

Số: 1175/QĐ-UBND

An Giang, ngày 22 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

VỀ VIỆC CÔNG BỐ DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH; ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG VÀ UBND CẤP XÃ ÁP DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH AN GIANG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 3380/QĐ-BNNMT ngày 25 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh An Giang tại Tờ trình số 320/TTr-SNNMT ngày 09 tháng 9 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường và UBND cấp xã áp dụng trên địa bàn tỉnh An Giang (đính kèm Danh mục).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Các thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định này thay thế các nội dung thủ tục hành chính tương ứng đã được công bố tại Quyết định số 1120/QĐ-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực Đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh An Giang.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

- Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định này xây dựng quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính.
- Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, các đơn vị có liên quan công khai thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định này cung cấp, tích hợp lên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc (Thủ trưởng) các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục Kiểm soát TTHC - VPCP;
- CT và các PCT.UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP.UBND tỉnh;
- Cổng TTĐT tỉnh;
- Trung tâm PVHCC;
- Lưu: VT, nvthanh.

Hồ Văn Mừng

DANH MỤC

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH; ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG VÀ UBND CẤP XÃ
(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 9 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

1. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung

STT	Mã TTHC	Tên TTHC được sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên cũ)	Thời gian	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	1.013823.H01	Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng; gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất	15 ngày	(1) Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công. (2) Nộp thông qua dịch vụ bưu chính. (3) Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia. (4) Nộp tại địa điểm theo thỏa thuận giữa người đề nghị và Văn phòng đăng ký đất đai hoặc nộp tại Văn phòng đăng ký đất đai.	Theo Nghị quyết của HĐND tỉnh hoặc Quyết định của UBND tỉnh	(1) Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ. (2) Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ. (3) Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ. (4) Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ. (5) Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ. (6) Quyết định số 2418/QĐ-BTNMT ngày 28/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc đính chính Nghị định số 151/2025/NĐ-CP.
2	1.013825.H01	Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất	15 ngày	(1) Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công. (2) Nộp thông qua dịch vụ bưu chính.	Theo Nghị quyết của HĐND tỉnh hoặc Quyết định của UBND tỉnh	(1) Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ. (2) Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ.

				(3) Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia.	UBND tỉnh	(3) Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ. (4) Quyết định số 2418/QĐ-BTNMT ngày 28/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc đính chính Nghị định số 151/2025/NĐ-CP.
3	1.013826.H01	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư	(1) Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất: 05 ngày. (2) Điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư: 15 ngày.	(1) Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công. (2) Nộp thông qua dịch vụ bưu chính. (3) Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia.	Theo Nghị quyết của HĐND tỉnh hoặc Quyết định của UBND tỉnh	(1) Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ. (2) Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ. (3) Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ. (4) Quyết định số 2418/QĐ-BTNMT ngày 28/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc đính chính Nghị định số 151/2025/NĐ-CP.
4	1.013827.H01	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bản giao đất trên thực địa	07 ngày	(1) Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công. (2) Nộp thông qua dịch vụ bưu chính. (3) Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia.	Theo Nghị quyết của HĐND tỉnh hoặc Quyết định của UBND tỉnh	(1) Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ. (2) Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ. (3) Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ. (4) Quyết định số 2418/QĐ-BTNMT ngày 28/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc đính chính Nghị định số 151/2025/NĐ-CP.
5	1.013828.H01	Giao đất, cho thuê đất, giao khu vực biển để thực hiện hoạt động lấn biển	15 ngày	(1) Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công. (2) Nộp thông qua dịch vụ bưu chính. (3) Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia.	Theo Nghị quyết của HĐND tỉnh hoặc Quyết định của UBND tỉnh	(1) Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ. (2) Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ. (3) Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ.

						(4) Quyết định số 2418/QĐ-BTNMT ngày 28/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc đình chính Nghị định số 151/2025/NĐ-CP.
6	1.012781.H01	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với thửa đất có diện tích tăng thêm do thay đổi ranh giới so với Giấy chứng nhận đã cấp	(1) Trường hợp thửa đất gốc đã có giấy chứng nhận, phần diện tích tăng thêm do nhận chuyển quyền sử dụng một phần thửa đất đã được cấp GCN: 10 ngày làm việc (2) Thửa đất gốc đã có giấy chứng nhận phần diện tích tăng thêm phần diện tích thửa chưa được cấp GCN: 10 ngày làm việc	(1) Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công. (2) Nộp thông qua dịch vụ bưu chính. (3) Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia. (4) Nộp tại địa điểm theo thỏa thuận giữa người đề nghị và Văn phòng đăng ký đất đai hoặc nộp tại Văn phòng đăng ký đất đai.	Theo Nghị quyết của HĐND tỉnh hoặc Quyết định của UBND tỉnh	(1) Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ. (2) Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ. (3) Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ.
7	1.012782.H01	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp cá nhân, hộ gia đình đã được cấp Giấy chứng nhận một phần diện tích vào loại đất ở trước ngày 01 tháng 7 năm 2004, phần diện tích còn lại của thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận	(1) Trường hợp người sử dụng đất có nhu cầu xác định lại diện tích đất ở: 20 ngày làm việc (2) Trường hợp người sử dụng đất không có nhu cầu xác định lại diện tích đất ở: 15 ngày làm việc	(1) Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công. (2) Nộp thông qua dịch vụ bưu chính. (3) Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia. (4) Nộp tại địa điểm theo thỏa thuận giữa người đề nghị và Văn phòng đăng ký đất đai hoặc nộp tại Văn phòng đăng ký đất đai.	Theo Nghị quyết của HĐND tỉnh hoặc Quyết định của UBND tỉnh	(1) Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ. (2) Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ. (3) Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ.
8	1.012783.H01	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	(1) Trường hợp cấp đổi Giấy chứng nhận do thay đổi kích thước các cạnh, diện	(1) Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công. (2) Nộp thông qua dịch vụ bưu	Theo Nghị quyết của HĐND tỉnh hoặc	(1) Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.

			tích, số hiệu của thửa đất do đo đạc lập bản đồ địa chính, trích đo địa chính thửa đất mà ranh giới thửa đất không thay đổi: 10 ngày làm việc. (2) Trường hợp cấp đổi đồng loạt cho nhiều người sử dụng đất do đo đạc lập bản đồ địa chính thì thời gian thực hiện theo dự án đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. (3) Các trường hợp cấp đổi còn lại: 05 ngày làm việc.	chính. (3) Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia. (4) Nộp tại địa điểm theo thỏa thuận giữa người đề nghị và Văn phòng đăng ký đất đai hoặc nộp tại Văn phòng đăng ký đất đai.	Quyết định của UBND tỉnh	(2) Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ. (3) Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ.
9	1.012786.H01	Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất	10 ngày làm việc	(1) Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công. (2) Nộp thông qua dịch vụ bưu chính. (3) Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia. (4) Nộp tại địa điểm theo thỏa thuận giữa người đề nghị và Văn phòng đăng ký đất đai hoặc nộp tại Văn phòng đăng ký đất đai.	Theo Nghị quyết của HĐND tỉnh hoặc Quyết định của UBND tỉnh	(1) Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ. (2) Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ. (3) Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ.
10	1.012785.H01	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 8 năm 2024 mà bên	08 ngày làm việc	(1) Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.	Theo Nghị quyết của HĐND tỉnh hoặc	(1) Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.

		chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định		(2) Nộp thông qua dịch vụ bưu chính. (3) Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia. (4) Nộp tại địa điểm theo thỏa thuận giữa người đề nghị và Văn phòng đăng ký đất đai hoặc nộp tại Văn phòng đăng ký đất đai.	Quyết định của UBND tỉnh	(2) Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ. (3) Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ.
11	1.012787.H01	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng trong dự án bất động sản	08 ngày làm việc	(1) Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công. (2) Nộp thông qua dịch vụ bưu chính công ích. (3) Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia. (4) Nộp tại địa điểm theo thỏa thuận giữa người đề nghị và Văn phòng đăng ký đất đai hoặc nộp tại Văn phòng đăng ký đất đai.	Theo Nghị quyết của HĐND tỉnh hoặc Quyết định của UBND tỉnh	(1) Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ. (2) Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ. (3) Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ.
12	1.013831.H01	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa; chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; cho thuê, cho	(1) Trường hợp cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng: 04 ngày làm việc. (2) Các trường hợp còn lại: 08 ngày làm việc.	(1) Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công. (2) Nộp thông qua dịch vụ bưu chính. (3) Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia. (4) Nộp tại địa điểm theo thỏa thuận giữa người đề nghị và Văn phòng đăng ký đất đai hoặc nộp tại	Theo Nghị quyết của HĐND tỉnh hoặc Quyết định của UBND tỉnh	(1) Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ. (2) Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ. (3) Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ.

		thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng; bán hoặc tặng cho hoặc để thừa kế hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm		Văn phòng đăng ký đất đai.		
13	1.013977.H01	Đăng ký biến động thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức hoặc chuyển đổi mô hình tổ chức, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp; điều chỉnh quy hoạch xây dựng chi tiết; cấp Giấy chứng nhận cho từng thửa đất theo quy hoạch xây dựng chi tiết cho chủ đầu tư dự án có nhu cầu	(1) Thủ tục thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi mô hình tổ chức, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp: 08 ngày làm việc. (2) Thủ tục cấp Giấy chứng nhận theo quy hoạch xây dựng chi tiết hoặc điều chỉnh quy hoạch xây dựng chi tiết: 05 ngày làm việc.	(1) Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công. (2) Nộp thông qua dịch vụ bưu chính. (3) Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia. (4) Nộp tại địa điểm theo thỏa thuận giữa người đề nghị và Văn phòng đăng ký đất đai hoặc nộp tại Văn phòng đăng ký đất đai.	Theo Nghị quyết của HĐND tỉnh hoặc Quyết định của UBND tỉnh	(1) Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ. (2) Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ. (3) Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ.
14	1.013980.H01	Đăng ký biến động đối với trường hợp thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo thỏa thuận của các thành viên hộ gia đình hoặc của vợ và chồng; quyền sử dụng đất xây dựng công trình trên mặt đất phục vụ cho việc vận hành, khai thác sử dụng công trình ngầm, quyền sở hữu công trình ngầm; bán tài sản, điều chuyển, chuyển nhượng quyền	(1) Trường hợp thay đổi về quyền sử dụng đất xây dựng công trình trên mặt đất phục vụ cho việc vận hành, khai thác sử dụng công trình ngầm, quyền sở hữu công trình ngầm; bán tài sản, điều chuyển, chuyển nhượng quyền	(1) Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công. (2) Nộp thông qua dịch vụ bưu chính. (3) Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia. (4) Nộp tại địa điểm theo thỏa thuận giữa người đề nghị và Văn phòng	Theo Nghị quyết của HĐND tỉnh hoặc Quyết định của UBND tỉnh	(1) Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ. (2) Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ. (3) Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ.

		sử dụng đất là tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo kết quả giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai hoặc bản án, quyết định của Tòa án, quyết định thi hành án của cơ quan thi hành án đã được thi hành; quyết định hoặc phán quyết của Trọng tài thương mại Việt Nam về giải quyết tranh chấp giữa các bên phát sinh từ hoạt động thương mại liên quan đến đất đai; nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã được đăng ký, bao gồm cả xử lý khoản nợ có nguồn gốc từ khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.	sử dụng đất là tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công: 10 ngày làm việc. (2) Các trường hợp còn lại: 08 ngày làm việc.	đăng ký đất đai hoặc nộp tại Văn phòng đăng ký đất đai.		
15	1.013992.H01	Đăng ký biến động chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền	07 ngày làm việc	(1) Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công. (2) Nộp thông qua dịch vụ bưu chính. (3) Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia. (4) Nộp tại địa điểm theo thỏa thuận giữa người đề nghị và Văn phòng đăng ký đất đai hoặc nộp tại	Theo Nghị quyết của HĐND tỉnh hoặc Quyết định của UBND tỉnh	(1) Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ. (2) Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ. (3) Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ.

				Văn phòng đăng ký đất đai.		
16	1.013993.H01	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không đúng mục đích đã được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014	12 ngày làm việc	(1) Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công. (2) Nộp thông qua dịch vụ bưu chính. (3) Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia. (4) Nộp tại địa điểm theo thỏa thuận giữa người đề nghị và Văn phòng đăng ký đất đai hoặc nộp tại Văn phòng đăng ký đất đai.	Theo Nghị quyết của HĐND tỉnh hoặc Quyết định của UBND tỉnh	(1) Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ. (2) Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ. (3) Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ.
17	1.013994.H01	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp chuyển nhượng dự án đầu tư có sử dụng đất	(1) Trường hợp đất để thực hiện dự án chưa được cấp Giấy chứng nhận: 20 ngày làm việc. (2) Trường hợp đất để thực hiện dự án đã được cấp Giấy chứng nhận: 08 ngày làm việc.	(1) Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công. (2) Nộp thông qua dịch vụ bưu chính. (3) Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia. (4) Nộp tại địa điểm theo thỏa thuận giữa người đề nghị và Văn phòng đăng ký đất đai hoặc nộp tại Văn phòng đăng ký đất đai.	Theo Nghị quyết của HĐND tỉnh hoặc Quyết định của UBND tỉnh	(1) Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ. (2) Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ. (3) Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ.
18	1.013995.H01	Đăng ký tài sản gắn liền với thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận hoặc đăng ký thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, gia hạn thời hạn sở hữu nhà ở của tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài theo quy định của pháp luật về	(1) Trường hợp đăng ký quyền sở hữu tài sản gắn liền với thửa đất đã cấp Giấy chứng nhận, gia hạn thời hạn sở hữu nhà ở của tổ chức nước ngoài, cá nhân	(1) Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công. (2) Nộp thông qua dịch vụ bưu chính. (3) Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia.	Theo Nghị quyết của HĐND tỉnh hoặc Quyết định của UBND tỉnh	(1) Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ. (2) Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ. (3) Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ.

		nhà ở nội dung đã đăng ký	nước ngoài: 08 ngày làm việc. (2) Trường hợp đăng ký thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký: 05 ngày làm việc.	(4) Nộp tại địa điểm theo thỏa thuận giữa người đề nghị và Văn phòng đăng ký đất đai hoặc nộp tại Văn phòng đăng ký đất đai.		
19	1.013945.H01	Tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư	23 ngày (gồm 15 ngày và 08 ngày làm việc)	(1) Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công. (2) Nộp thông qua dịch vụ bưu chính. (3) Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia.	Theo Nghị quyết của HĐND tỉnh hoặc Quyết định của UBND tỉnh	(1) Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ. (2) Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ. (3) Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ.
20	1.013946.H01	Sử dụng đất kết hợp đa mục đích, gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích	(1) Thẩm định, phê duyệt phương án sử dụng đất kết hợp: 15 ngày. (2) Gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp: 07 ngày làm việc.	(1) Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công. (2) Nộp thông qua dịch vụ bưu chính. (3) Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia.	Theo Nghị quyết của HĐND tỉnh hoặc Quyết định của UBND tỉnh	(1) Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ. (2) Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ. (3) Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ.

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư	23 ngày (gồm 15 ngày và 08 ngày làm việc)	(1) Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công. (2) Nộp thông qua dịch vụ bưu chính. (3) Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia.	Theo Nghị quyết của HĐND tỉnh hoặc Quyết định của UBND tỉnh	(1) Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ. (2) Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ. (3) Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ.

2	Giao đất, cho thuê đất, giao khu vực biển để thực hiện hoạt động lấn biển	15 ngày	(1) Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công. (2) Nộp thông qua dịch vụ bưu chính. (3) Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia.	Theo Nghị quyết của HĐND tỉnh hoặc Quyết định của UBND tỉnh	(1) Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ. (2) Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ. (3) Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ. (4) Quyết định số 2418/QĐ-BTNMT ngày 28/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc đính chính Nghị định số 151/2025/NĐ-CP.
---	---	---------	--	---	---

2. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung

STT	Mã TTHC	Tên TTHC được sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên cũ)	Thời gian	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	1.013949.H01	Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng, gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất	15 ngày	(1) Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công. (2) Nộp thông qua dịch vụ bưu chính. (3) Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia.	Theo Nghị quyết của HĐND tỉnh hoặc Quyết định của UBND tỉnh	(1) Nghị định số 131/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ. (2) Nghị định số 136/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ. (3) Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ. (4) Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ. (5) Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ. (6) Quyết định số 2418/QĐ-BTNMT ngày 28/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc đính chính Nghị định số 151/2025/NĐ-CP.
2	1.013950.H01	Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất	15 ngày	(1) Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công. (2) Nộp thông qua dịch vụ bưu chính. (3) Nộp trực tuyến trên	Theo Nghị quyết của HĐND tỉnh hoặc Quyết định của UBND tỉnh	(1) Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ. (2) Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ.

				Cổng dịch vụ công quốc gia.		(3) Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ. (4) Quyết định số 2418/QĐ-BTNMT ngày 28/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc đính chính Nghị định số 151/2025/NĐ-CP.
3	1.013952.H01	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư	(1) Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất: 05 ngày. (2) Điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư: 15 ngày.	(1) Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công. (2) Nộp thông qua dịch vụ bưu chính. (3) Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia.	Theo Nghị quyết của HĐND tỉnh hoặc Quyết định của UBND tỉnh	(1) Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ. (2) Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ. (3) Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ. (4) Quyết định số 2418/QĐ-BTNMT ngày 28/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc đính chính Nghị định số 151/2025/NĐ-CP.
4	1.013953.H01	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bản giao đất trên thực địa	07 ngày	(1) Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công. (2) Nộp thông qua dịch vụ bưu chính. (3) Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia.	Theo Nghị quyết của HĐND tỉnh hoặc Quyết định của UBND tỉnh	(1) Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ. (2) Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ. (3) Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ. (4) Quyết định số 2418/QĐ-BTNMT ngày 28/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc đính chính Nghị định số 151/2025/NĐ-CP.
5	1.013962.H01	Giao đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan tại ngũ, quân nhân chuyên nghiệp, công	35 ngày	(1) Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công. (2) Nộp thông qua dịch vụ bưu chính. (3) Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia.	Theo Nghị quyết của HĐND tỉnh hoặc Quyết định của UBND tỉnh	(1) Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ. (2) Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ. (3) Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ.

		chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng, sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an, người làm công tác cơ yếu và người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước mà chưa được giao đất ở, nhà ở; giáo viên, nhân viên y tế đang công tác tại các xã biên giới, hải đảo thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nhưng chưa có đất ở, nhà ở tại nơi công tác hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở; cá nhân thường trú tại xã mà không có đất ở và chưa được Nhà nước giao đất ở hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở				(4) Quyết định số 2418/QĐ-BTNMT ngày 28/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc đính chính Nghị Theo Nghị quyết của HĐND tỉnh hoặc Quyết định của UBND tỉnh định số 151/2025/NĐ-CP.
6	1.012753.H01	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với tổ chức đang sử dụng đất.	(1) Trường hợp đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất lần đầu: 17 ngày làm việc. (2) Trường hợp đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận lần đầu: 20 ngày làm việc (trong đó đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất lần đầu là không quá 17 ngày làm việc; cấp Giấy chứng nhận lần đầu là	(1) Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công. (2) Nộp thông qua dịch vụ bưu chính. (3) Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia. (4) Nộp tại địa điểm theo thỏa thuận giữa người đề nghị và Văn phòng đăng ký đất đai hoặc nộp tại Văn phòng đăng ký đất đai.	Theo Nghị quyết của HĐND tỉnh hoặc Quyết định của UBND tỉnh	(1) Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ. (2) Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ. (3) Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ.

			không quá 03 ngày làm việc).			
7	1.013978.H01	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với cá nhân, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài	(1) Trường hợp đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất lần đầu: 17 ngày làm việc. (2) Trường hợp đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận lần đầu: 20 ngày làm việc (trong đó đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất lần đầu là không quá 17 ngày làm việc; cấp Giấy chứng nhận lần đầu là không quá 03 ngày làm việc).	(1) Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công. (2) Nộp thông qua dịch vụ bưu chính. (3) Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia. (4) Nộp tại địa điểm theo thỏa thuận giữa người đề nghị và Văn phòng đăng ký đất đai hoặc nộp tại Văn phòng đăng ký đất đai.	Theo Nghị quyết của HĐND tỉnh hoặc Quyết định của UBND tỉnh	(1) Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ. (2) Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ. (3) Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ.
8	1.013965.H01	Sử dụng đất kết hợp đa mục đích, gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích	(1) Thẩm định, phê duyệt phương án sử dụng đất kết hợp: 15 ngày. (2) Gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp: 07 ngày làm việc.	(1) Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công. (2) Nộp thông qua dịch vụ bưu chính. (3) Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia.	Theo Nghị quyết của HĐND tỉnh hoặc Quyết định của UBND tỉnh	(1) Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ. (2) Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ. (3) Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ.